

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 1075/2015/UBTVQH13

**NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;**Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;**Căn cứ Tờ trình của Ban soạn thảo;***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1**

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 2

Ủy ban thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Ủy ban thường vụ Quốc hội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 3

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015***TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH****Nguyễn Sinh Hùng**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1075/2015/UBTVQH13)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ phối hợp công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Ủy ban thường vụ Quốc hội chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hoạt động của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, cùng với sự tham gia của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội; sự phối hợp công tác của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan.

Điều 3. Hình thức làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Các hình thức làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm:

- a) Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- b) Cuộc họp, hội nghị do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức;
- c) Cho ý kiến bằng văn bản.

2. Tại phiên họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tổ chức cuộc họp, hội nghị theo đề nghị của thành viên Ủy ban

thường vụ Quốc hội phụ trách nội dung. Chủ tịch Quốc hội quyết định việc xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội bằng văn bản.

Điều 4. Thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các cơ quan báo chí được tham dự, đưa tin về các hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại khu vực dành riêng cho báo chí.

3. Tổng thư ký Quốc hội là người phát ngôn của Ủy ban thường vụ Quốc hội, có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin về chương trình, nội dung phiên họp công khai và các hoạt động khác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Tài liệu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội được đăng trong kỷ yếu của phiên họp do Văn phòng Quốc hội ấn hành.

CHƯƠNG II

CÁC HÌNH THỨC LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Mục 1

PHIÊN HỌP ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 5. Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội là hình thức hoạt động chủ yếu của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội họp công khai. Trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội họp riêng do Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Điều 6. Thời gian bắt đầu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

Phiên họp thường kỳ của Ủy ban thường vụ Quốc hội được bắt đầu vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Đối với phiên họp được triệu tập theo đề nghị của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, thời gian bắt đầu phiên họp do Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Điều 7. Chương trình phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Việc dự kiến chương trình và quyết định triệu tập phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật tổ chức Quốc hội.

2. Khi cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức hữu quan, Chủ tịch Quốc hội có thể điều chỉnh chương trình phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 8. Việc chuẩn bị nội dung trình Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp

Chủ tịch Quốc hội chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội. Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị những nội dung được Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội phân công.

Điều 9. Thành phần dự họp

1. Thành phần, khách mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định tại Điều 60 của Luật tổ chức Quốc hội.

2. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; trường hợp không thể tham dự phiên họp thì phải báo cáo lý do để Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Trưởng Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội vắng mặt được cử cấp phó tham dự phiên họp. Người dự họp thay được trình bày ý kiến bằng văn bản của Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội vắng mặt; được phát biểu ý kiến cá nhân khi Chủ tọa phiên họp đồng ý nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp có trách nhiệm dự họp hoặc cử người đi dự họp đúng thành phần, trường hợp không thể dự họp thì phải thông báo tới Tổng thư ký Quốc hội để báo cáo Chủ tịch Quốc hội.

Điều 10. Hồ sơ tài liệu phiên họp

1. Chủ tịch Quốc hội quyết định những tài liệu được lưu hành tại phiên họp theo đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội.

2. Cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm tra dự án, báo cáo, đề án gửi bản điện tử và bản in các loại tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội tới Văn phòng Quốc hội để tập hợp thành hồ sơ gửi đến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội và phục vụ phiên họp theo thời hạn quy định tại Điều 63 của Luật tổ chức Quốc hội.

3. Tài liệu phiên họp được gửi đến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội và khách mời tham dự phiên họp; đại diện cơ quan thông tấn, báo chí được cung cấp tài liệu, trừ tài liệu mật.

4. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu tham dự phiên họp có trách nhiệm thực hiện những quy định về việc sử dụng, bảo quản và hoàn trả tài liệu mật, không được tiết lộ nội dung các phiên họp riêng của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Tài liệu của phiên họp được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 11. Chủ tọa phiên họp

1. Chủ tịch Quốc hội khai mạc và bế mạc phiên họp, Chủ tọa phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bảo đảm thực hiện chương trình làm việc của phiên họp và những quy định về phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Phó Chủ tịch Quốc hội khai mạc, bế mạc phiên họp theo ủy quyền của Chủ tịch Quốc hội trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội vắng mặt; điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Quốc hội.

2. Chủ tọa phiên họp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xác định tính hợp lệ của phiên họp trên cơ sở thành phần tham dự phiên họp, nội dung hồ sơ tài liệu trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Nêu nội dung đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội tập trung thảo luận;

c) Mời thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội phát biểu theo thứ tự đăng ký hoặc mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Quyết định kéo dài hoặc rút ngắn thời gian thảo luận về một nội dung của phiên họp;

đ) Tổng hợp ý kiến đã phát biểu, trường hợp cần thiết, đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết về nội dung thuộc chương trình xem xét, cho ý kiến;

e) Tổng hợp ý kiến đã phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết về nội dung thuộc chương trình thông qua;

g) Ký biên bản phiên họp.

Điều 12. Báo cáo tại phiên họp

1. Thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, báo cáo, đề án trực tiếp báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp. Trường hợp đặc biệt, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó báo cáo thay và phải được sự đồng ý của Chủ tịch Quốc hội.

2. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, báo cáo, đề án tại phiên họp trình bày báo cáo trong thời gian không quá 20 phút. Căn cứ nội dung, tình hình thực tế, Chủ tọa phiên họp quyết định tăng thời gian trình bày hoặc yêu cầu báo cáo, giải trình thêm.

Điều 13. Thảo luận tại phiên họp

1. Chủ tọa điều hành phiên họp xác định mục đích, yêu cầu, nội dung thảo luận; mời từng thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội phát biểu. Khi cần thiết, Chủ tọa phiên họp có thể mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến. Thời gian phát biểu một lần không quá 10 phút.

2. Đối với dự án, đề án, báo cáo cho ý kiến trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tập trung thảo luận về quan điểm, chủ trương, chính